

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Hoá học (Chuyên ngành: Hoá phân tích - Ứng dụng)

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khởi kiến thức: GIAO DỤC ĐẠI CƯƠNG			37	414	141		
1	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
2	31122002	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học tự nhiên	2	15	15		
3	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
4	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
6	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
7	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
8	31321977	Vật lý đại cương	2	22	8		
9	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
10	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
11	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
12	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
13	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
14	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
15	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
16	31531678	Sinh học đại cương	3	33	12		
Học phần tự chọn			10	135	15		
17	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
18	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
19	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
Khởi kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			50	443	457		
20	31421092	Điện hóa học	2	22	8	31441299*	A
21	31338095	Hoá phân tích	4	45	15	31441299	A
22	31328063	Cơ sở hoá lượng tử	2	22	8	31441299*	A
23	31441100	Nhiệt và động hóa học	4	45	15	31441299	A
24	31441099	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	4	45	15	31421090	A
25	31441097	Hóa vô cơ	4	45	15	31441299	
26	31421093	Hóa học tinh thể và phức chất	2	22	8	31441097	
27	31441299	Hóa đại cương	4	45	15		A
28	31421091	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	2	20	10	31441299	
29	31421090	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	2	22	8	31441299	A
30	31421089	Cấu trúc và phổ	2	22	8	31421088	
31	31421088	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	2	22	8	31441099	A
32	31421804	Thực hành hóa vô cơ	2	0	60	31441097	
33	31421801	Thực hành hóa phân tích	2	0	60		A
34	31421799	Thực hành hóa lí	2	0	60	31441100*	A
35	31421798	Thực hành hóa hữu cơ	2	0	60	31441099	
36	31421797	Thực hành hóa đại cương	2	0	60		
Học phần tự chọn			6	66	24		
37	31328064	Hoá học ứng dụng	2	22	8	31441299	
38	31328065	Thiết bị và công nghệ hoá học	2	22	8		
39	31328066	Quản lí chất lượng phòng thí nghiệm	2	22	8		
Khởi kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			57	373	527		
40	3141683	Quan trắc và phân tích môi trường	3	45	0		
41	31338106	Thực hành phân tích môi trường	3	0	90	31328079	
42	31328086	Thực hành kiểm nghiệm thực phẩm/dược phẩm	2	0	60		
43	31338085	Kiểm nghiệm thực phẩm và dược phẩm	3	35	10	31328079	

44	31338084	Chuyên đề nghiên cứu hoá phân tích và ứng dụng	3	5	40		A
45	31338083	Kỹ thuật lấy và xử lý mẫu	3	35	10		
46	31338082	Các phương pháp tách và sắc kí	3	30	30	31338095	A
47	31328079	Thực hành phân tích quang và điện	2	0	60	31348078	
48	31348078	Các phương pháp phân tích quang và điện	3	35	10	31338095	A
49	31338077	Xử lý số liệu và tin học ứng dụng trong hoá học	3	30	15		
50	31338075	Hoá môi trường	3	30	15		
51	31421086	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		A
Học phần tự chọn			24	173	247		
52	31328076	Kỹ thuật chiết tách hợp chất có hoạt tính sinh học	2	22	8		
53	31338081	Cơ sở hoá dược	3	35	10		
54	31328074	Hóa học các hợp chất phân tán	2	22	8		
55	31461062	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		A
56	31421050	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp chuyên ngành	2	15	15		
57	31328102	Các phương pháp phân tích hình thái và cấu trúc vật liệu	2	22	8		
58	31338104	Cơ sở hoá sinh và vi sinh thực phẩm	3	35	10		
59	31421323	Hương liệu và mỹ phẩm	2	22	8	31421088	
60	31328101	Độc học môi trường	2	22	8		
Khởi kiện thức: THỰC TẬP VÀ TRẠI NGHIỆM			6	0	180		
61	31421003	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
62	31441061	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			150	1220	1300		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			110	846	1014		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20				

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khoá học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gán dấu *.
- Học phần đăng kí dạy bằng tiếng Anh có gán chữ "A"

TRƯỞNG NGÀNH

Trần Văn Thắng
Trần Văn Thắng

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Quý
Nguyễn Quý

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Hoá học (Chuyên ngành: Hoá phân tích và ứng dụng)

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	0	15		
	31421797	Thực hành hóa đại cương	2	0	60		
	31441299	Hóa đại cương	4	45	15		A
	31531678	Sinh học đại cương	3	33	12		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	12	108	102		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	0	15		
	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
	31321977	Vật lý đại cương	2	22	8		
	31421090	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	2	22	8	31441299	A
	31421091	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	2	20	10	31441299	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
		Học phần tự chọn					
	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	156	69		
3	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	0	15		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4)	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31441097	Hóa vô cơ	4	45	15	31441299	
	31441099	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	4	45	15	31421090	A
		Học phần tự chọn					
	31328064	Hoá học ứng dụng	2	22	8	31441299	
		Số tín chỉ trong kỳ	13	142	53		
4	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31122002	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học tự nhiên	2	15	15		
	31421093	Hóa học tính thể và phức chất	2	22	8	31441097	
	31421804	Thực hành hóa vô cơ	2	0	60	31441097	
	31441100	Nhiệt và động hóa học	4	45	15	31441299	A
		Học phần tự chọn					
	31328074	Hóa học các hợp chất phân tử	2	22	8		
	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	17	171	114		
5	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8		
	31421086	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		A
	31421088	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	2	22	8	31441099	A
	31421092	Điện hóa học	2	22	8	31441299*	A
	31421798	Thực hành hóa hữu cơ	2	0	60	31441099	
	31421799	Thực hành hóa lí	2	0	60	31441100*	A
		Học phần tự chọn					
	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	146	154		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31328063	Cơ sở hoá lượng tử	2	22	8	31441299*	A
	31338095	Hoá phân tích	4	45	15	31441299	A
	31421003	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
	31421801	Thực hành hóa phân tích	2	0	60		A
		Học phần tự chọn					
	31338081	Cơ sở hoá dược	3	35	10		
	31338104	Cơ sở hoá sinh và vi sinh thực phẩm	3	35	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	18	158	172		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31328079	Thực hành phân tích quang và điện	2	0	60	31348078	
	31338075	Hoá môi trường	3	30	15		
	31338077	Xử lý số liệu và tin học ứng dụng trong hoá học	3	30	15		
	31348078	Các phương pháp phân tích quang và điện	3	35	10	31338095	A
		Học phần tự chọn					
	31328065	Thiết bị và công nghệ hoá học	2	22	8		
	31328066	Quản lý chất lượng phòng thí nghiệm	2	22	8		
		Số tín chỉ trong kỳ	17	161	124		
8	3141683	Quan trắc và phân tích môi trường	3	45	0		
	31338082	Các phương pháp tách và sắc kí	3	30	30	31338095	A
	31338083	Kỹ thuật lấy và xử lý mẫu	3	35	10		
	31338106	Thực hành phân tích môi trường	3	0	90	31328079	
	31421089	Cấu trúc và phổ	2	22	8	31421088	
		Học phần tự chọn					
	31328101	Độc học môi trường	2	22	8		
	31328102	Các phương pháp phân tích hình thái và cấu trúc vật liệu	2	22	8		
		Số tín chỉ trong kỳ	18	124	26		
9	31328086	Thực hành kiểm nghiệm thực phẩm/dược phẩm	2	0	60		
	31338084	Chuyên đề nghiên cứu hoá phân tích và ứng dụng	3	5	40		A
	31338085	Kiểm nghiệm thực phẩm và dược phẩm	3	35	10	31328079	
		Học phần tự chọn					
	31328076	Kỹ thuật chiết tách hợp chất có hoạt tính sinh học	2	22	8		
	31421050	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp chuyên ngành	2	15	15		
	31421323	Hương liệu và mỹ phẩm	2	22	8	31421088	
		Số tín chỉ trong kỳ	14	64	191		
10	31441061	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	31461062	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		A
		Số tín chỉ trong kỳ	10	0	300		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).

- Học phần tiên quyết là học phần có dấu *.

- Học phần đăng kí dạy bằng tiếng Anh có gán chữ "A"

TRƯỜNG NGÀNH

TRƯỜNG KHOA

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Võ Thắng Nguyễn


Nguyễn Quý



TS. Phan Đức Tuấn